

Đánh giá hiệu quả và định hướng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp bền vững trên địa bàn các xã phía Tây huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

Nguyễn Đức Nhuận¹, Trần Mỹ Thủy², Nông Thị Thu Huyền¹, Nguyễn Thị Thùy Linh³

¹Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

²Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

³Viện Kinh tế và Phát triển - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

Evaluating the efficiency of sustainable agricultural land use and proposing some orientations in the Western communes of Trung Khanh district, Cao Bang province

Nguyen Duc Nhuan¹, Tran My Thuy², Nong Thi Thu Huyen¹, Nguyen Thi Thuy Linh³

¹Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry

²Department of Natural Resources and Environment, Trung Khanh district, Cao Bang province

³Institute of Economics and Development - Vietnam Union of Science and Technology Associations

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.12.4.2023.137-144>

TÓM TẮT

Sản xuất nông nghiệp của các xã phía Tây của huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng trong mấy năm qua tuy đã có những tiến bộ nhưng chưa thật sự đem lại hiệu quả bền vững. Vì vậy, nghiên cứu này được tiến hành nhằm đánh giá thực trạng và hiệu quả sử dụng đất và từ đó đề xuất định hướng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp có hiệu quả bền vững. Nghiên cứu đánh giá hiệu quả sử dụng đất theo 3 tiêu chí: kinh tế, xã hội và môi trường; dựa theo TCVN 8409:2012 về quy trình đánh giá đất sản xuất nông nghiệp của các loại hình sử dụng đất trên cơ sở điều tra những hộ tham gia trực tiếp sản xuất nông nghiệp thuộc 2 xã đại diện cho 2 tiểu vùng nghiên cứu. Mỗi xã tiến hành điều tra 50 hộ và tổng số hộ điều tra là 100 hộ theo phương pháp điều tra phỏng vấn trực tiếp. Từ kết quả điều tra loại hình sử dụng đất với các kiểu sử dụng đất khác nhau cho thấy trên địa bàn các xã phía Tây của huyện Trùng Khánh có 2 tiểu vùng, tiểu vùng 1 có 5 LUT chính, với 15 kiểu sử dụng đất với tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 1.898,2 ha, tiểu vùng 2 có 5 LUT chính, với 14 kiểu sử dụng đất với tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 1.591,1 ha. Các LUT cho hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường cao là LUT 4 (cây ăn quả) và LUT 2 (2 lúa – màu).

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 20/04/2023

Ngày phản biện: 23/05/2023

Ngày quyết định đăng: 16/06/2023

Từ khóa:

bền vững, đất sản xuất nông nghiệp, hiệu quả, huyện Trùng Khánh, LUT.

ABSTRACT

In the past few years, agricultural production of the western communes in Trung Khanh district, Cao Bang province has made progress but has not brought about sustainable efficiency. Therefore, a research project was conducted to assess the status and effectiveness of land use and to propose orientations to use agricultural land effectively and sustainably. The topic evaluated the effectiveness of land use according to economic, social, and environmental criteria. Based on TCVN 8409:2012 on the process of assessing agricultural land of different types of land use, the researcher surveyed households directly involved in agricultural production in 2 communes representing 2 sub-regions of the study. Each commune conducted a survey of 50 households and the total number of surveyed households is 100 according to the direct interview survey method. From the survey results on land use types with different land use types, it showed that in the western communes of Trung Khanh district, there were 2 sub-regions, sub-region 1 had 5 main LUTs, with 15 land use types. with a total agricultural production land area of 1898.2 ha, sub-region 2 had 5 main LUTs, with 14 land use types with a total agricultural production land area of 1591.1 ha. LUTs with high economic, social, and environmental efficiency were LUT 4 (fruit trees) and LUT 2 (2 rice - crops).

Keywords:

agricultural land, efficiency, LUT, sustainability, Trung Khanh district.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sử dụng đất nông nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng đối với vùng nông thôn, nó tạo ra sản lượng nông sản như lương thực, thực phẩm liên quan trực tiếp tới thu nhập và đời sống của người nông dân [1]. Bên cạnh đó, sử dụng đất nông nghiệp còn góp phần phát triển nông nghiệp sinh thái và phát triển bền vững [2]. Những năm gần đây cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường thì sử dụng đất nông nghiệp cũng có sự chuyển dịch quan trọng, tạo ra nhiều sản phẩm theo hướng hàng hoá nhằm tăng thu nhập của người nông dân [3] và phát triển nông nghiệp sinh thái. Sử dụng đất nông nghiệp theo hướng có hiệu quả cao được dựa trên cơ sở các kiểu sử dụng đất hiệu quả cả về kinh tế, xã hội và môi trường [4].

Huyện Trùng Khánh là huyện miền núi, nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Cao Bằng, có diện tích tự nhiên là 68.800,30 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp năm 2021 là 62.931,54 ha, chiếm 91,47% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong những năm qua, huyện Trùng Khánh đã tích cực thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, chuyển các diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng những cây lâu năm, cây hàng năm khác có hiệu quả kinh tế cao hơn, trên cơ sở phát triển sản xuất tập trung và liên kết với doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm, phát huy lợi thế của địa phương. Cần phải có

các công trình nghiên cứu khoa học, đánh giá thực trạng hiệu quả sử dụng đất nói chung và đất nông nghiệp nói riêng, nhằm phát hiện ra các yếu tố tích cực và hạn chế, từ đó làm cơ sở để định hướng phát triển sản xuất nông nghiệp, thiết lập các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp [5].

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Thu thập số liệu thứ cấp từ UBND huyện Trùng Khánh, các phòng ban chức năng của huyện.

- Phương pháp điều tra: Từ đặc điểm sinh thái các xã phía Tây của huyện có 2 tiểu vùng, đề tài chọn ngẫu nhiên các hộ điều tra là những hộ tham gia trực tiếp sản xuất nông nghiệp thuộc 2 xã đại diện cho 2 tiểu vùng nghiên cứu là xã Cao Chương (Tiểu vùng 1), xã Quang Trung (Tiểu vùng 2). Mỗi xã tiến hành điều tra 50 hộ và tổng số hộ điều tra là 100 hộ theo phương pháp điều tra phỏng vấn trực tiếp.

- Phương pháp xử lý số liệu: Các số liệu thống kê xử lý bằng phần mềm Excel. Kết quả được trình bày bằng hệ thống các bảng số liệu, biểu đồ.

- Phương pháp đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp: Dựa theo TCVN 8409:2012 về quy trình đánh giá đất sản xuất nông nghiệp [6].

- Phương pháp phân cấp đánh giá hiệu quả:
+ Hiệu quả kinh tế:

Bảng 1. Phân cấp đánh giá hiệu quả kinh tế của các kiểu sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

(Tính cho diện tích: 1 ha)

Cấp	Chỉ tiêu				
	GO (triệu đ)	IC (triệu đ)	VA (triệu đ)	VA/IC (lần)	
1. Rất cao (Very High - VH)	> 160	> 60	> 100	> 3,0	
2. Cao (High - H)	> 120 - 160	> 45 - 60	> 75 - 100	> 2,0 - 3,0	
3. Trung bình (Medium - M)	> 80 - 120	> 30 - 45	> 50 - 75	> 1,5 - 2,0	
4. Thấp (Low - L)	> 40 - 80	> 15 - 30	> 25 - 50	> 1,0 - 1,5	
5. Rất thấp (Very Low - VL)	< 40	< 15	< 25	< 1,0	

Ghi chú: Bảng phân cấp trên được xây dựng dựa trên: (1) theo phương pháp tính phân cấp hiệu quả sử dụng đất được quy định tại TCVN 8409:2012 do Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp biên soạn, Bộ Khoa học & Công nghệ công bố; và (2) Theo điều tra thực tế tại huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Tổng hợp xếp loại hiệu quả kinh tế của các kiểu sử dụng đất như sau:

- Hiệu quả kinh tế cao (H): kiểu sử dụng đất không có chỉ tiêu ở mức thấp và có ≥ 2 chỉ tiêu

đạt mức cao hoặc rất cao.

- Hiệu quả kinh tế trung bình (M): kiểu sử dụng đất không có chỉ tiêu nào ở mức thấp và có ≤ 1 chỉ tiêu đạt mức cao hoặc rất cao.

- Hiệu quả kinh tế thấp (L): kiểu sử dụng đất có ít nhất 1 trong số các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế xếp vào mức thấp và rất thấp
+ Hiệu quả xã hội:

Bảng 2. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá hiệu quả xã hội của các kiểu sử dụng đất

(Tính cho diện tích: 1 ha)

Chỉ tiêu		Phân cấp	
1. Giá trị ngày công (1.000đ/công lao động)	> 200	Cao	H (High)
	100 - 200	Trung bình	M (Medium)
	< 100	Thấp	L (Low)
2. Khả năng thu hút lao động (công lao động/ha/năm)	> 400	Cao	H (High)
	200 - 400	Trung bình	M (Medium)
	< 200	Thấp	L (Low)
3. Thị trường tiêu thụ sản phẩm	Dễ	Cao	H (High)
	Trung bình	Trung bình	M (Medium)
	Khó	Thấp	L (Low)

Quy định đánh giá hiệu quả xã hội cho các LUT như sau:

- Hiệu quả xã hội cao (H): LUT không có chỉ tiêu ở mức thấp và có ≥ 2 chỉ tiêu đạt mức cao.
- Hiệu quả xã hội trung bình (M): LUT

không có chỉ tiêu nào ở mức thấp và có ≤ 1 chỉ tiêu đạt mức cao.

- Hiệu quả xã hội thấp (L): kiểu sử dụng đất có ít nhất 1 trong số các chỉ tiêu xếp ở mức thấp.
+ Hiệu quả môi trường:

Bảng 3. Phân cấp chỉ tiêu đánh giá hiệu quả môi trường của các LUT

Chỉ tiêu		Phân cấp	
1. Tỷ lệ che phủ (%)	> 75	Cao	H (High)
	35 - 75	Trung bình	M (Medium)
	< 35	Thấp	L (Low)
2. Mức độ sử dụng phân bón	Đủ, đúng quy định	Cao	H (High)
	Thiếu	Trung bình	M (Medium)
	Thừa	Thấp	L (Low)
3. Mức độ sử dụng thuốc BVTV	Ít	Cao	H (High)
	Đủ, đúng quy định	TB	M (Medium)
	Thừa	Thấp	L (Low)
4. Khả năng bảo vệ, cải tạo đất	Tốt	Cao	H (High)
	Trung bình	Trung bình	M (Medium)
	Kém	Thấp	L (Low)

Quy định đánh giá hiệu quả môi trường cho các LUT:

- Hiệu quả môi trường cao (H): kiểu sử dụng đất không có chỉ tiêu ở mức thấp và có ≥ 2 chỉ tiêu đạt mức cao.
- Hiệu quả môi trường trung bình (M): kiểu sử dụng đất không có chỉ tiêu nào ở mức thấp và có ≥ 1 chỉ tiêu đạt mức cao.
- Hiệu quả môi trường thấp (L): kiểu sử dụng đất có ít nhất 1 trong số các chỉ tiêu xếp ở mức thấp.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Hiện trạng các loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của các xã phía Tây huyện Trùng Khánh

Các loại hình sử dụng đất hiện có của các xã phía Tây huyện Trùng Khánh được thu thập trên cơ sở những tài liệu tổng hợp của huyện và kết quả điều tra nông hộ tại các địa điểm nghiên cứu.

Các loại hình sử dụng đất chính trên địa bàn huyện được thể hiện qua Bảng 4.

Bảng 4. Các loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của các xã phía Tây huyện Trùng Khánh

STT	Loại hình sử dụng đất (LUT)	Kiểu sử dụng đất	Diện tích (ha)	
			Tiểu vùng 1	Tiểu vùng 2
		Tổng diện tích	1898,2	1591,1
LUT1	Chuyên lúa	LX – LM	231,23	331,23
LUT2	2 Lúa - 1 màu	LX - LM – ngô đông	169,52	174,52
		LX - LM – đậu tương	130,45	135,45
		LX - LM - khoai lang	125,66	134,66
		LX - LM – lạc	44,26	59,87
LUT3	Chuyên màu	Ngô xuân - Ngô đông	287,52	226,42
		Lạc - Ngô Đông	252,09	181,09
		Lạc - Ngô Mùa - Ngô đông	189,39	120,39
		Đậu tương	157,23	96,23
		Rau các loại	146,25	81,03
LUT4	Cây ăn quả	Bưởi	33,4	13,44
		Ôi Đài loan	25,8	15,28
		Thanh Long	23,6	12,2
LUT5	Cây công nghiệp ngắn ngày	Mía	13,54	-
		Thuốc lá	68,23	9,24

(Nguồn: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Trùng Khánh [7])

Kết quả điều tra về loại hình sử dụng đất được thể hiện qua Bảng 4 cho thấy tiểu vùng 1 có 05 loại hình sử dụng đất (LUT) với 15 kiểu sử dụng đất khác nhau, tiểu vùng 2 có 05 loại hình sử dụng đất (LUT) với 14 kiểu sử dụng đất khác nhau. Trong đó LUT chuyên màu có diện tích lớn nhất (tiểu vùng 1 là 1.032,5 ha và tiểu vùng 2 là 705,2 ha) tiếp đến là LUT 2 lúa 1 màu (với diện tích tiểu vùng 1 là 469,89 ha

và tiểu vùng 2 là 504,5 ha).

3.2. Đánh giá hiệu quả của các loại hình sử dụng đất

3.2.1. Hiệu quả kinh tế

Qua điều tra, khảo sát thực tế của các nông hộ trên địa bàn các xã phía tây của huyện. Tổng hợp mức độ đầu tư/ha và hiệu quả kinh tế của các cây trồng được thể hiện qua Bảng 5.

Bảng 5. Hiệu quả kinh tế các loại hình sử dụng đất của các xã phía Tây huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

(Tính cho 1 ha)

LUT	Kiểu sử dụng đất	Tiểu vùng 1				Tiểu vùng 2			
		GO (Tr.đ)	IC (Tr.đ)	VA (Tr.đ)	VA/IC (lần)	GO (Tr.đ)	IC (Tr.đ)	VA (Tr.đ)	VA/IC (lần)
LUT 1	LX – LM	98	46,18	51,85	1,12	103,1	45,92	57,16	1,24
LUT 2	LX - LM – ngô đông	154	58,64	95,78	1,63	163,7	58,31	105,37	1,81
	LX - LM – Đậu tương	145	50,87	93,98	1,85	157,9	50,34	107,59	2,14
	LX - LM - khoai lang	137	54,38	82,98	1,53	145,1	54,44	90,69	1,67
	LX - LM – lạc	133	51,84	81	1,56	140,7	52,12	88,60	1,70
	Ngô xuân - Ngô đông	105	46,21	58,83	1,27	103,4	45,95	57,49	1,25
LUT 3	Lạc - Ngô Đông	91	38,11	53,09	1,39	98,23	41,58	56,65	1,36
	Lạc-Ngô Mùa-Ngô đông	151	62,92	88,19	1,40	162,4	63,11	99,24	1,57
	Đậu tương	106	42,32	63,18	1,49	102,8	42,41	60,34	1,42
	Rau các loại	101	46,5	54,32	1,17	110,6	46,21	64,40	1,39

LUT	Kiểu sử dụng đất	Tiểu vùng 1				Tiểu vùng 2			
		GO (Tr.đ)	IC (Tr.đ)	VA (Tr.đ)	VA/IC (lần)	GO (Tr.đ)	IC (Tr.đ)	VA (Tr.đ)	VA/IC (lần)
LUT 4	Bưởi	153	48,26	105,2	2,18	159,0	46,91	112,13	2,39
	Ồi Đài loan	178	65,87	112,3	1,70	183,3	67,19	116,14	1,73
	Thanh long	167	42,27	124,9	2,96	166,5	43,65	122,84	2,81
LUT 5	Mía	122	52,26	69,85	1,34	-	-	-	-
	Thuốc lá	101	29,26	71,34	2,44	113,1	28,35	84,76	2,99

Ghi chú: Tr.đ: Triệu đồng

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra)

Số liệu nghiên cứu tại bảng 2 ta thấy: LUT cây ăn quả và LUT 2 lúa – màu có giá trị sản xuất (GO), thu nhập thuần (VA) và hiệu quả đồng vốn (VA/IC) đây là LUT được đánh giá mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất trong các LUT. Còn lại các LUT khác đều có hiệu quả kinh tế thấp hơn. Tuy nhiên các LUT có lúa đều phải chú trọng vì là nguồn cung cấp lương

thực chính cho địa phương.

3.3.2. Hiệu quả xã hội

Khả năng thu hút lao động, giải quyết công ăn việc làm, đảm bảo thu nhập thường xuyên và ổn định cho nhân dân (công/ha), giá trị ngày công lao động và tổng thu nhập của người dân theo các loại hình sử dụng đất tại từng tiểu vùng, kết quả được thể hiện trong Bảng 6.

Bảng 6. Hiệu quả xã hội của các loại hình sử dụng đất của các xã phía Tây huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

(Tính cho 1 ha)

LUT	Kiểu sử dụng đất	Tiểu vùng 1			Tiểu vùng 2		
		Giá trị ngày công (Tr.đ)	Thu hút lao động (công)	Thị trường tiêu thụ	Giá trị ngày công (Tr.đ)	Thu hút lao động (công)	Thị trường tiêu thụ
LUT1	LX – LM	117	444	Dễ	130	439	Dễ
LUT2	LX - LM – ngô đông	135	635	Dễ	152	628	Dễ
	LX - LM – Đậu tương	197	376	Dễ	221	396	Dễ
	LX - LM - khoai lang	125	584	TB	140	575	TB
	LX - LM – lạc	119	595	Dễ	134	587	Dễ
LUT3	Ngô xuân - Ngô đông	172	457	TB	194	450	TB
	Lạc - Ngô đông	155	342	Dễ	177	337	TB
	Lạc - Ngô mùa - Ngô đông	153	578	Dễ	175	567	Dễ
	Đậu tương	179	353	Dễ	194	348	Dễ
	Rau các loại	163	118	TB	165	117	TB
LUT4	Bưởi	281	374	Dễ	301	373	TB
	Ồi Đài loan	224	466	Dễ	245	462	Dễ
	Thanh long	263	483	Dễ	284	481	Dễ
LUT5	Mía	164	427	Dễ	-	-	Dễ
	Thuốc lá	199	358	Dễ	242	350	Dễ

Ghi chú: TB: Trung bình; Tr.đ: Triệu đồng

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra)

Số liệu nghiên cứu tại Bảng 6 ta thấy: hiệu quả xã hội được đánh giá dựa trên các tiêu chí: thu nhập/công lao động; khả năng thu hút lao động và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Kết quả tại Bảng 4: về giá trị ngày công lao động: Hầu hết các kiểu sử dụng đất ở tiểu vùng 2 cho giá trị cao hơn tiểu vùng 1. So sánh giá trị ngày công của các loại hình sử dụng đất thì nhìn

chung nhóm LUT 5 trồng cây ăn quả cho giá trị ngày công cao nhất, tiếp đến LUT 2 lúa - màu. Về khả năng thu hút lao động: là một huyện miền núi phần lớn lao động làm nghề nông vì vậy vấn đề giải quyết công ăn việc làm thu hút lao động rất quan trọng. Những kiểu sử dụng đất thu hút nhiều công lao động ở các xã phía Tây của huyện Trùng Khánh là LUT 2

lúa, LUT 2 lúa – màu và LUT cây ăn quả. Khả năng tiêu thụ sản phẩm và cung cấp các sản phẩm cho nhu cầu tại chỗ: trên 90% số hộ được hỏi cho rằng nhóm các cây trồng chuyên lúa, thuốc lá, 3 loại cây ăn quả là ổi Đài Loan, thanh long, bưởi và cây thuốc lá có khả năng cao về đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm tại chỗ và có thị trường tiêu thụ sản phẩm trong huyện, tỉnh vì đây là các loại cây trồng có thương hiệu, chất lượng ngon.

3.3.3. Hiệu quả môi trường

Hiệu quả môi trường của các loại sử dụng đất sản xuất nông nghiệp các xã phía Tây huyện Trùng Khánh được đánh giá thông qua các tiêu chí: (1) Tỷ lệ che phủ (diện tích che phủ và thời gian che phủ); (2) Mức độ sử dụng phân bón; (3) Mức độ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV); (4) Khả năng bảo vệ, cải tạo đất.

Bảng 7. Hiệu quả môi trường của các loại hình sử dụng đất trên địa bàn các xã phía tây huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

(Tính cho 1 ha)

LUT	Kiểu sử dụng đất	Tiểu vùng 1				Tiểu vùng 2			
		Tỷ lệ che phủ (%)	Mức sử dụng phân bón	Mức sử dụng thuốc BVTV	Khả năng bảo vệ, cải tạo đất	Tỷ lệ che phủ (%)	Mức sử dụng phân bón	Mức sử dụng thuốc BVTV	Khả năng bảo vệ, cải tạo đất
LUT1	LX – LM	75	Đủ	Đủ	TB	66	Đủ	Đủ	TB
LUT2	LX - LM – Ngô đông	92	Đủ	Đủ	TB	85	Đủ	Ít	TB
	LX - LM – Đậu tương	96	Đủ	Đủ	Tốt	89	Đủ	Đủ	Tốt
	LX - LM - Khoai lang	93	Đủ	Ít	TB	87	Đủ	Ít	TB
	LX - LM – Lạc	95	Đủ	Đủ	Tốt	90	Đủ	Đủ	Tốt
LUT3	Ngô xuân - Ngô đông	68	Đủ	Ít	TB	65	Đủ	Ít	TB
	Lạc - Ngô Đông	75	Thiếu	Ít	Tốt	71	Thiếu	Ít	Tốt
	Lạc - Ngô Mùa - Ngô đông	85	Đủ	Đủ	Tốt	83	Đủ	Đủ	Tốt
	Đậu tương	72	Thiếu	Ít	Tốt	69	Thiếu	Ít	Tốt
	Rau các loại	67	Đủ	Đủ	Thấp	64	Đủ	Ít	Thấp
LUT4	Bưởi	87	Đủ	Đủ	TB	83	Thiếu	Đủ	TB
	Ổi Đài loan	85	Đủ	Ít	TB	84	Đủ	Ít	TB
	Thanh long	76	Đủ	Đủ	TB	71	Thiếu	Đủ	TB
LUT5	Mía	70	Đủ	Ít	TB	-	-	-	-
	Thuốc lá	68	Thiếu	Ít	TB	65	Thiếu	Ít	TB

Ghi chú: TB: Trung bình (Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra và Hướng dẫn kỹ thuật bón phân cân đối và hợp lý cho cây trồng [8])

Qua Bảng 7 có thể thấy: Chỉ tiêu 1: tỷ lệ che phủ (thời gian che phủ và diện tích che phủ) Ở cả 2 tiểu vùng thì LUT 4 cây ăn quả và LUT 2 có tỷ lệ che phủ trong năm đạt cao nhất từ 85 - 96%, trong đó kiểu sử dụng đất rau các loại có tỷ lệ thấp nhất 64 - 67% ở tiểu vùng 2 và tiểu vùng 1; Chỉ tiêu 2: mức độ sử dụng phân bón: đối với các loại sử dụng đất hàng năm (từ LUT 1 đến LUT 5) người dân chủ yếu sử dụng phân

hữu cơ, lượng phân vô cơ không nhiều, mức bón phân đúng khuyến cáo; Chỉ tiêu 3: mức độ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật: hiện nay người dân thường dùng chủ yếu là: thuốc chữa bệnh (bệnh uốn lá, rầy nâu... trên lúa và các cây hàng năm khác. Bệnh Sương Mai, bệnh khô cành đối với cây ăn quả); thuốc trừ sâu chủ yếu là bọ xít, sâu đục thân, đục quả; phân bón lá... các loại thuốc này đều nằm trong danh

mục cho phép và theo khuyến cáo của khuyến nông huyện; Chỉ tiêu 4: khả năng bảo vệ cải tạo đất của các LUT: Trên cả 2 tiểu vùng ta thấy có 5/15 kiểu sử dụng đất đạt chỉ tiêu này cao đó là lúa xuân - lúa mùa – đậu tương; lúa xuân - lúa mùa – lạc, lạc – ngô đông, lạc – ngô mùa – ngô

đông và đậu tương. Đây là các kiểu sử dụng đất có khả năng bảo vệ và cải tạo đất cao.

3.3.4. Đánh giá chung

Kết quả đánh giá chung hiệu quả sử dụng đất của các loại hình sử dụng đất (LUT) được thể hiện qua Bảng 8.

Bảng 8. Tổng hợp hiệu quả của các loại hình sử dụng đất

LUT	Kiểu sử dụng đất	Hiệu quả kinh tế		Hiệu quả xã hội		Hiệu quả môi trường	
		Tiểu vùng 1	Tiểu vùng 2	Tiểu vùng 1	Tiểu vùng 2	Tiểu vùng 1	Tiểu vùng 2
LUT1	LX – LM	M	M	M	M	H	M
LUT2	LX - LM – Ngô đông	H	H	H	M	H	H
	LX - LM – Đậu tương	H	H	M	H	H	H
	LX - LM - Khoai lang	H	H	H	M	H	H
	LX - LM – Lạc	H	H	H	M	H	H
LUT3	Ngô xuân - Ngô đông	M	M	H	M	H	M
	Lạc - Ngô Đông	M	M	M	M	M	M
	Lạc - Ngô Mùa - Ngô đông	H	M	H	M	H	H
	Đậu tương	M	M	M	M	M	M
	Rau các loại	M	M	M	H	H	M
LUT4	Bưởi	H	H	M	VH	H	H
	Ổi Đài loan	VH	VH	H	H	H	H
	Thanh long	VH	VH	H	H	H	M
LUT5	Mía	H	-	H	-	H	-
	Thuốc lá	M	M	M	H	M	M

(Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra)

Qua số liệu Bảng 8 ta thấy: Kết quả tổng hợp đánh giá các LUT về cả ba mặt hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường cho thấy LUT4 cho hiệu quả cao đồng đều trên cả 3 mặt kinh tế, xã hội và môi trường, LUT2 có ưu thế về mặt đảm bảo an ninh lương thực; LUT 2 (Lúa Xuân - Lúa mùa – cây màu) cho hiệu quả cao về kinh tế, nhưng có hạn chế về hiệu quả môi trường do sử dụng nhiều thuốc bảo vệ thực vật. LUT4 (cây ăn quả) có hiệu quả cao và khá cân bằng trên cả 3 mặt kinh tế, xã hội và môi trường với ưu thế là cây trồng mũi nhọn của huyện và thuộc chỉ dẫn địa lý cây đặc sản của tỉnh. Các LUT còn lại có hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường từ trung bình đến cao.

3.4. Nguyên nhân dẫn tới hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của các xã phía Tây huyện Trùng Khánh chưa cao và đề xuất

3.4.1. Nguyên nhân

- Nguyên nhân chủ quan: Trình độ, kiến thức người dân chưa cao, chưa biết áp dụng biện pháp khoa học kỹ thuật vào canh tác. Việc

cho hộ nông dân vay vốn còn nhiều khó khăn. Giao thông đi lại khó khăn, cơ sở hạ tầng chưa đảm bảo, chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân và sự phát triển kinh tế xã hội. Thiếu lao động ngành nghề, cán bộ kỹ thuật, công tác khuyến nông, khuyến lâm chưa hỗ trợ được cho quá trình sản xuất của nông dân.

- Nguyên nhân khách quan: Chính sách của Nhà nước về giá cả, đầu tư phát triển chưa được hoàn thiện. Thị trường tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa nông nghiệp còn nhỏ, cơ sở chế biến tại chỗ chưa có làm ảnh hưởng đến chất lượng và giá trị đầu ra của sản phẩm.

3.4.2. Giải pháp

Trong thời gian tới sớm hình thành các chợ đầu mối, các tổ chức hợp tác tiêu thụ, chế biến nông sản trong nông thôn theo nguyên tắc tự nguyện, hình thành các trung tâm nông nghiệp để từ đó tạo môi trường cho giao lưu hàng hóa, giúp nông dân có nhiều kênh tiêu thụ sản phẩm nông sản nhất là các sản phẩm nông sản có tính chất mùa vụ như các loại rau, củ, quả vụ đông.

Cán bộ khuyến nông phải thường xuyên bám sát địa bàn, cùng phối hợp với người dân trong việc bón phân, sử dụng thuốc trừ sâu, phối hợp với người dân giải quyết những vấn đề vướng mắc trong quá trình sản xuất.

Cần có biện pháp hỗ trợ các hộ nông dân vay vốn với lãi suất thấp và tăng thời hạn trả lãi suất, điều đó giúp người dân yên tâm trong sản xuất. Đa dạng hoá các hình thức cho vay, huy động vốn nhân rộng trong dân, khuyến khích hình thức quỹ tín dụng trong nông thôn.

Cần đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, trước hết cần tập trung xây dựng nâng cấp hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng (cải tạo kiên cố hóa hệ thống kênh mương tưới tiêu...) cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường giao thông hiện có để đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản của người dân.

3.4.3. Định hướng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn các xã phía Tây của huyện Trùng Khánh

Loại sử dụng đất chuyên lúa (2 vụ: Lúa xuân – Lúa mùa) được lựa chọn mặc dù hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường không cao, nhưng đây là LUT đóng vai trò quan trọng trong đảm bảo an ninh lương thực. Mặt khác với 1 số giống nhập nội có chất lượng và năng suất cao như Giống lúa GS55 và Syn98 năng suất cao và chất lượng hàng hóa rất tốt có thị trường tiêu thụ khá ổn định, giá bán cao nên được lựa chọn để phát triển trong tương lai.

Loại sử dụng đất lúa - màu (LUT2) có 2 kiểu sử dụng đất là Lúa xuân - Lúa mùa – Ngô đông và Lúa xuân - Lúa mùa – Đậu tương được lựa chọn vì đây là các kiểu sử dụng đất có hiệu quả kinh tế xã hội cao, có thị trường tiêu thụ sản phẩm tương đối ổn định, đảm bảo được thu nhập của người dân.

Loại sử dụng đất cây lâu năm (LUT4): Cây ăn quả, lựa chọn kiểu sử dụng đất bưởi, ổi Đài Loan và Thanh long rất tốt cho khu vực, nhất là thị trấn Trà Lĩnh, Tri Phương.

Loại sử dụng đất cây công nghiệp ngắn ngày (LUT5): Phát triển LUT trồng Thuốc lá rất phù hợp cho một số xã thuộc tiểu vùng 2 của khu vực các xã phía Tây huyện Trùng Khánh.

4. KẾT LUẬN

Kết quả điều tra loại hình sử dụng đất với các kiểu sử dụng đất khác nhau cho thấy trên địa bàn các xã phía tây của huyện Trùng Khánh có 2 tiểu vùng, tiểu vùng 1 có 5 LUT chính, với 15 kiểu sử dụng đất với tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 1.898,2 ha, tiểu vùng 2 có 5 LUT chính, với 14 kiểu sử dụng đất với tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 1.591,1 ha. Các LUT cho hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường cao là LUT 4 (cây ăn quả) và LUT 2 (2 lúa – màu). Từ kết quả nghiên cứu về hiện trạng sản xuất và hiệu quả các loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp nghiên cứu đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất bền vững cho các xã phía tây của huyện Trùng Khánh bao gồm chuyển đổi cơ cấu cây trồng, ứng dụng các tiến bộ khoa học về giống, kỹ thuật canh tác, tăng cường công tác quảng bá sản phẩm xây dựng thương hiệu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Văn Sánh (2009). An Ninh lương thực quốc gia: Nhìn từ khía cạnh nông dân trồng lúa và giải pháp liên kết vùng và tham gia “4 nhà” tại vùng ĐBSCL. Tạp chí Khoa học Đất, Trường Đại học Cần Thơ. 12: 171-181.
- [2]. Đặng Kim Sơn & Trần Công Thắng (2001). Chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở một số nước Đông Nam Á. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế. 274: 60 - 69.
- [3]. Đỗ Văn Nhạ & Trần Thanh Toàn (2016). Đánh giá thực trạng sử dụng đất nông nghiệp theo hướng hàng hoá trên địa bàn huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Tạp chí Khoa học và Phát triển. 14(5): 762 - 771.
- [4]. Nguyễn Khắc Việt Ba, Đỗ Văn Chinh, Phạm Bích Tuấn & Đỗ Văn Nhạ (2016). Thực trạng và hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Tạp chí Khoa học Đất. 48: 146 - 151.
- [5]. Nguyễn Thế Đặng, Đặng Văn Minh, Nguyễn Thế Hùng, Dương Thị Thanh Hà, Nguyễn Đức Nhuận, Hoàng Thị Bích Thảo & Nguyễn Thu Thủy (2014). Giáo trình Thổ nhưỡng. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- [6]. Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng (2012). TCVN 8409 - 2012, Quy trình đánh giá đất sản xuất nông nghiệp.
- [7]. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Trùng Khánh (2021). Báo cáo hiện trạng sử dụng đất 2020 – 2022 huyện Trùng Khánh.
- [8]. Đường Hồng Dật (2008). Kỹ thuật bón phân cân đối và hợp lý cho cây trồng. NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.